

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/DS-ST

Ngày: 04-6-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lâm Dũ Quang

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng N1. Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Hoàng H – Phó giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã V; địa chỉ: Số D, đường N, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Mai Thanh S, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Bà Trương Thị P, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng;

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.***

1/ Bà Mai Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1977. Địa chỉ: khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2024 (BL01-02) của nguyên đơn Ngân hàng N1 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lý Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 24 tháng 10 năm 2022, Ngân hàng N1 (A) thông qua Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V và ông Mai Thanh S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202201006. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V đã cho ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P vay số tiền: 350.000.000 đồng; mục đích vay nuôi tôm; lãi suất tại thời điểm vay vốn 10,0%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng, để đảm bảo cho khoản vay ông S và bà P có thể chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 149/P1/051/2016/HĐTC, ký ngày 22/04/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019.04.045/HĐTC, ký ngày 29/03/2019 giữa Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V với ông Mai Thanh S, bà Trương Thị Phí . Thế chấp quyền sử dụng đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967880, có diện tích 10.256m² thuộc thửa số 437; tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Mai Thanh S, ngày 29/07/2010.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 033/2017/P1/HĐTC, ký ngày 03/03/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020.04.093/HĐTC, ký ngày 05/10/2020 giữa Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V và bà Mai Thị L1, ông Trần Văn N. Ông Mai Thanh S thế chấp quyền sử dụng đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828664, có diện tích 8.844m² thuộc thửa số 343; tờ bản đồ số 11, tọa lạc khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Mai Thị L, ngày 26/09/2006.

Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V đã giải ngân cho ông Mai Thanh S nhận đủ số tiền vay là 350.000.000 đồng. Sau khi vay thì phía ông Mai Thanh S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tính đến hết ngày 04/6/2025 thì ông Mai Thanh S còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vay gốc và lãi phát sinh là: 455.589.726 đồng, trong đó: Nợ gốc: 350.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.878.082 đồng; Nợ lãi quá hạn: 29.711.644 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ,

tuy nhiên, từ đó đến nay, ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng N1 số tiền vay gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 04/6/2025 là: 455.589.726 đồng, trong đó: Nợ gốc: 350.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.878.082 đồng; Nợ lãi quá hạn: 29.711.644 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ngày 05/6/2025 cho đến ngày ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N1 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202 ngày 24/10/2022 đã ký. Trường hợp ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 149/P1/051/2016/HĐTC, ký ngày 22/04/2016; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019.04.045/HĐTC ngày 29/3/2019 và tài sản bảo đảm của bà Mai Thị L, ông Trần Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 033/2017/P1/HĐTC, ký ngày 03/03/2017 để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Lời trình bày của bị đơn ông Mai Thanh S tại phiên hòa giải ngày 01/4/2025 (BL75-76): Ông S thừa nhận người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vừa trình bày nêu trên là đúng. Tính đến ngày 01/4/2025, vợ chồng ông S còn nợ Ngân hàng N1 như người đại diện của Ngân hàng vừa trình bày và đề nghị phía Ngân hàng chia sẻ khó khăn với khách hàng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nuôi tôm lỗ chứ không phải có khả năng mà không thanh toán cho Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng K nợ và giảm nợ lại để khách hàng có điều kiện canh tác trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Trương Thị P vắng mặt tại tất cả các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L1 và ông Trần Văn N đều vắng mặt tại tất cả các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1 và ông N chưa đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các

đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn cùng liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn là 455.589.726 đồng, trong đó: Nợ gốc: 350.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.878.082 đồng; Nợ lãi quá hạn: 29.711.644 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202 ngày 24/10/2022 đã ký, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ngày 05/6/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông S và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn bà Trương Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L1 và ông Trần Văn N nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng N1 có ký Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202 ngày 24/10/2022 với bên vay ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P, mục đích vay để nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S và bà P trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà P có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng N1 với bị đơn ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 về việc yêu cầu các bị đơn liên đới trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/6/2025). Tổng cộng là 455.589.726 đồng, trong đó: Nợ gốc: 350.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.878.082 đồng; Nợ lãi quá hạn: 29.711.644 đồng.

[4.1] *Xét Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202 ngày 24/10/2022 Hội đồng xét xử thấy:* Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 24/10/2022 và giấy nhận nợ đề ngày 24/10/2022 ông S nhận tiền vay của Ngân hàng là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 10,0%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất nợ trong hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông S và bà P thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng ông S và bà P vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, các đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P liên đới thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (04/6/2025) là 455.589.726 đồng, trong đó: Nợ gốc: 350.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.878.082 đồng; Nợ lãi quá hạn: 29.711.644 đồng và các nghĩa vụ tương ứng khác.

[4.2] *Đối với nợ lãi:* Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202 ngày 24/10/2022 có lãi suất thỏa thuận 10,0%/năm đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S và bà P vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S và bà P phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] *Xét Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 149/P1/051/2016/HĐTC, ký ngày 22/04/2016 giữa Ngân hàng với ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019.04.045/HĐTC ngày 29/3/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 033/2017/P1/HĐTC, ký ngày 03/03/2017 giữa Ngân hàng và bà Mai Thị L, ông Trần Văn N.*

Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông S, bà P và bà L, ông N đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967880, có diện tích 10.256m² thuộc thửa số 437; tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Mai Thanh S, ngày 29/07/2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828664, có diện tích 8.844m² thuộc thửa số 343; tờ bản đồ số 11, tọa lạc khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Mai Thị L, ngày 26/09/2006 để thế chấp cho Ngân hàng. Các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức, xã hội và có đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu ông S và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà các bên đã ký kết.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2024 (BL54-57) quyền sử dụng đất được đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967880, có diện tích 10.256m² thuộc thửa số 437; tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Mai Thanh S, ngày 29/07/2010. Tài sản trên đất không có hiện trạng là đất ao tôm.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828664, có diện tích 8.844m² thuộc thửa số 343; tờ bản đồ số 11, tọa lạc khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Mai Thị L, ngày 26/09/2006. Tài sản trên đất không có hiện trạng là đất ao tôm.

[5] Đối với bị đơn yêu cầu Ngân hàng C sẽ khó khăn với khách hàng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nuôi tôm lỗ chứ không phải có khả năng mà không thanh toán cho Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng K nợ và giảm nợ lại để khách hàng có điều kiện canh tác trả nợ cho Ngân hàng nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Đối với bị đơn bà Trương Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L và ông Trần Văn N Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nhưng các đương

sự không có ý kiến và không ai có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. LỜI trình bày của bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 05/6/2025) bị đơn ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202 ngày 24/10/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P phải liên đới chịu. Do Ngân hàng N1 đã tạm ứng trước nên ông S và bà P có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 325; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7; khoản 2 Điều 8; Điều 10; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 đối với bị đơn ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc các bị đơn ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P phải liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng N1, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/6/2025) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 350.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 75.878.082 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 29.711.644 đồng;

Tổng cộng: 455.589.726 đồng (bốn trăm năm mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 05/6/2025) ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202 ngày 24/10/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thị xã V phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 149/P1/051/2016/HĐTC, ký ngày 22/04/2016 giữa Ngân hàng với ông Mai Thanh S, bà Trương Thị P, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019.04.045/HĐTC ngày 29/3/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 033/2017/P1/HĐTC, ký ngày 03/03/2017 giữa Ngân hàng và bà Mai Thị L, ông Trần Văn N để Ngân hàng thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P phải liên đới chịu. Do Ngân hàng N1 đã tạm ứng trước nên ông S và bà P có nghĩa vụ liên đới thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Mai Thanh S và bà Trương Thị P phải liên đới chịu 22.223.589 đồng (hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

- Ngân hàng N1 không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.425.000 đồng (mười triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005035 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng TT, KT&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng